

27. Chi ngân sách Nhà nước địa phương

Triệu đồng; %

	Thực hiện năm 2017	Ước tính năm 2018	Năm 2018 so với dự toán năm	Năm 2018 so với năm 2017
Tổng chi	8,352,913	9,725,679	95.00	116.43
Chi cân đối NSDP	8,305,922	9,705,679	95.00	116.85
Chi đầu tư phát triển	1,700,545	3,313,109	96.00	194.83
Chi xây dựng cơ bản tập trung	1,700,545	3,218,109	96.00	189.24
Chi đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp theo chế độ	0	3,000	100.00	
Chi trả nợ vay KCHKM	0	92,000		
Chi thường xuyên	5,658,117	5,844,230	98.00	103.29
Chi sự nghiệp kinh tế	808,464	1,020,730	90.00	126.25
Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	2,314,923	2,405,459	100.00	103.91
Chi sự nghiệp y tế	501,692	548,947	94.00	109.42
Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	17,495	21,307	100.00	121.79
Chi sự nghiệp văn hoá du lịch và thể thao	153,776	180,960	100.00	117.68
Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	42,849	34,442	43.00	80.38
Chi đảm bảo xã hội	173,299	176,289	100.00	101.73
Chi quản lý hành chính	1,266,906	1,093,300	98.00	86.30
Chi an ninh quốc phòng địa phương	343,308	312,796	118.00	91.11
Chi khác ngân sách	35,405	50,000	174.00	141.22
Chi trích lập quỹ phát triển đất	16,378	41,675	100.00	254.46
Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1,000	1,000	100.00	100.00
Chi chuyển nguồn	489,871	0		
Chi thực hiện cải cách tiền lương	243,788	342,086	97.00	140.32
Chi thực hiện tỉnh giãn biên chế	0	10,000	25.00	
Chi cho các nhiệm vụ từ nguồn tăng thu cân đối dự toán điều chỉnh so với dự toán đầu năm	30,430	15,603	100.00	51.28
Chi đầu tư các dự án CNTT	0	0		
Chi quyết toán các khoản nợ tạm ứng ngân sách	0	52,923	100.00	
Chi CTMTQG vốn sự nghiệp	52,043	73,453	100.00	141.10
Chi trả nợ gốc, lãi vay theo quy định	113,750	0		
Dự phòng	0	11,600	7.00	
Các khoản chi được quản lý qua NSNN	46,991	20,000		42.56